TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CT** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26**/2024/DS-ST
Ngày: 19-6-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CT, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thư
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Thu An
Bà Hồ Thị Xuân Thiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hồng Huế- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã CT, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã CT tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã CT, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 129/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2023 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2024/QĐXXST- DS ngày 02 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/QĐST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hồ Sư Q, sinh năm 1984 và bà Vũ Thị H, sinh năm 1985; cùng địa chỉ: Tổ 7, khu phố 4, phường MH, thị xã CT, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1996; HKTT: Khu 5, xã Vl, huyện H, tỉnh Pt; Chỗ ở hiện nay: Tổ 9, khu phố 10, phường HL, thị xã CT, tỉnh Bình Phước.

- Người làm chứng: Ông Vũ Cao C, sinh năm 1996; địa chỉ cư trú: Tổ 9, khu phố 10, phường HL, thị xã CT, tỉnh Bình Phước.

(Ông Q, bà H, ông C có mặt; ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Hồ Sư Q, bà Vũ Thị H trình bày:

Ngày 10/10/2022, vợ chồng ông Q, bà H cho ông Nguyễn Ngọc T vay 50.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản từ số tài khoản 0853939.. của bà H mở tại Ngân hàng Nam Á vào số tài khoản 650100019509.. của ông Nguyễn Ngọc T tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV). Việc vay tiền có lập Hợp đồng vay vốn đề ngày 10/10/2022, ông Nguyễn Ngọc T ký tên và điểm chỉ. Thời hạn vay 03 tháng. Trong hợp đồng vay vốn không ghi lãi suất nhưng các bên thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng. Việc ông Q, bà H cho ông T vay tiền có ông Vũ Cao C làm chứng vì ông C là người giới thiệu ông T đến vay tiền. Ông T đóng lãi cho ông Q, bà H 02 lần tổng cộng là 3.000.000 đồng. Từ đó đến nay ông T không đóng lãi và cũng không trả tiền gốc cho ông Q, bà H. Ông Q, bà H nhiều lần yêu cầu ông T trả tiền nhưng ông T không trả. Do vậy, ông Q, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T phải trả cho ông Q, bà H số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi với mức lãi suất 3%/tháng tính từ ngày 01/01/2023.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 11/3/2024, ông Q, bà H có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất, cụ thể: Ông Q, bà H yêu cầu ông T trả cho ông Q, bà H số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Người làm chứng ông Vũ Cao C trình bày: Ông C là hàng xóm của ông Q, bà H và là bạn của ông T. Ngày 10/10/2022 trong lúc trong lúc ông C đang ngồi nhậu thì ông T nhắn tin cho ông C hỏi ông C có biết chỗ nào cho vay tiền. Ông C giới thiệu và chỉ nhà của ông Q, bà H để ông T vay của ông Q, bà H 50.000.000 đồng. Việc giao nhận tiền như thế nào thì ông C không chứng kiến. Ông C có tin nhắn Zalo với ông T nhưng do hiện nay ông T xóa tài khoản Zalo nên không còn hiện tên.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về số nợ gốc, rút yêu cầu khởi kiện về lãi suất và không cung cấp, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã CT: Viện kiểm sát nhân dân thị xã CT đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 217, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Sư Q, bà Vũ Thị H, buộc ông Nguyễn Ngọc T phải trả cho ông Q, bà H số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Q, bà H về phần lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Viện kiểm sát và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Sư Q, bà Vũ Thị H, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T cư trú tại tổ 9, khu phố 10, phường Hưng Long, thị xã CT, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã CT, tỉnh Bình Phước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Sư Q, bà Vũ Thị H về việc buộc ông Nguyễn Ngọc T phải trả cho ông Q, bà H số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 10/10/2022, ông Q, bà H cho ông Nguyễn Ngọc T vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) bằng hình thức chuyển khoản từ số tài khoản 085393939 của bà H tại Ngân hàng Nam Á đến số tài khoản 65010001950939 của ông Nguyễn Ngọc T tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.Việc vay tiền có lập hợp đồng vay, ông T ký tên và điểm chỉ. Để chứng minh cho lời trình bày của mình, ông Q, bà H cung cấp chứng cứ là sao kê tài khoản của bà H thể hiện nội dung chuyển khoản cho ông T và chứng từ ông T trả lãi cho ông Q, bà H. Xét lời trình bày của ông Q, bà H cùng các tài liệu chứng cứ do ông Q, bà H cung cấp phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án nhân dân thị xã CT về Thông tin tài khoản của ông T. Đồng thời, phù hợp với lời khai của người làm chứng là ông Vũ Cao C về việc có giới thiệu ông T đến vay tiền của ông Q, bà H. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định ông T có vay của ông Q, bà H số tiền 50.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T theo quy định. Tuy nhiên, ông T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Do vậy, ông Q, bà H yêu cầu Tòa án buộc ông T trả cho ông Q, bà H số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Sư Q, bà Vũ Thị H về việc tính lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Q, bà H rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông T phải chịu lãi suất của số tiền vay. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Q, bà H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân thị xã CT, tỉnh Bình Phước là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Ngọc T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 50.000.000 đồng x 5% = 2.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39, 147, 217, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ các Điều 280, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Sư Q, bà Vũ Thị H

Buộc ông Nguyễn Ngọc T trả cho ông Q, bà H số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Q, bà H về yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên có nghĩa vụ phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T phải chịu 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn ông Hồ Sư Q, bà Vũ Thị H không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã CT, tỉnh Bình Phước trả lại cho ông Q, bà H số tiền 1.305.000 đồng (*Một triệu ba trăm lẻ năm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0012460 ngày 05 tháng 10 năm 2023.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã CT;
- CCTHADS thị xã CT;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Thư